



TỈNH ỦY ĐẮK NÔNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
Số 26 -CTr/TU

Đắk Nông, ngày 31 tháng 8 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH

**Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII
về nâng cao đời sống vật chất - tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số
giai đoạn 2021 - 2025**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII; Chương trình hành động số 04-CTr/TU, ngày 24/12/2020 của Tỉnh ủy về triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Đắk Nông là một tỉnh đa thành phần dân tộc (40 thành phần dân tộc), dân số hiện nay khoảng 687.188 người, dân tộc thiểu số khoảng hơn 212.658 người, chiếm tỷ lệ 31% dân số toàn tỉnh; trong đó có 03 dân tộc tại chỗ (M'Nông, Mạ, Ê Đê) khoảng 69.756 người, chiếm tỷ lệ 32,8% đồng bào dân tộc thiểu số chung. Toàn tỉnh hiện có 7 huyện và 1 thành phố; 71 xã, phường, thị trấn, trong đó: 44 xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; 12 xã, 179 thôn, bon, buôn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Theo kết quả rà soát hộ nghèo cuối năm 2020 toàn tỉnh có 11.785 hộ, chiếm tỷ lệ 6,98%. Trong đó, hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số là 8.128 hộ, chiếm 17,18% trên tổng số hộ dân tộc thiểu số; hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ 3.513 hộ, chiếm tỷ lệ 22,80% trên tổng số hộ dân tộc thiểu số tại chỗ, cao gấp 03 lần so với tỷ lệ nghèo của toàn tỉnh¹.

1. Kết quả đạt được

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, các chương trình, chính sách dân tộc trên mọi lĩnh vực, như: nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, phát triển cơ sở hạ tầng, văn hoá, y tế, giáo dục, đào tạo, thông tin,... đã tác động rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ nói riêng. Ngoài các chính sách chung của cả nước, khu vực Tây Nguyên, tỉnh đã ban hành nhiều chính sách đặc thù riêng cho đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó tập trung cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, như: chương trình kết nghĩa, đỡ đầu giữa cơ quan, đơn vị với các bon, buôn đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ; chính sách phát triển bon, buôn bền

¹ - Quyết định số 341/QĐ-UBND, ngày 15/3/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng giai đoạn 2016 - 2020.

- Báo cáo số 205/BC-UBND, ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về kết quả phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2018; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021 - 2025.

vững; Đề án nâng cao chất lượng học sinh dân tộc thiểu số; chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn sản xuất - kinh doanh cho đồng bào dân tộc thiểu số; dự án tăng cường năng lực bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số; chính sách hỗ trợ lãi suất cho hộ nghèo là đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ để cải thiện nhà ở, xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh, phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và hỗ trợ về bảo hiểm y tế; các huyện ủy, thành ủy lựa chọn, xây dựng từ 01 - 02 địa bàn trọng điểm bon, buôn đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ để tập trung các nguồn lực thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững. Tập trung hỗ trợ nguồn lực đầu tư các chương trình, chính sách dân tộc trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong những năm qua đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh - chính trị, nâng cao đời sống vật chất - tinh thần trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Các công trình hạ tầng thiết yếu, như: đường giao thông, trường học, trạm Y tế, nước sinh hoạt, đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nhà văn hoá,... được ưu tiên đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ phát triển sản xuất, lưu thông hàng hoá, góp phần giảm nghèo bền vững. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế được chú trọng, quan tâm; thiết chế văn hóa cơ sở và giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc được đầu tư, bảo tồn và phát triển; hệ thống bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân được mở rộng; công tác giáo dục và đào tạo hằng năm đều tăng cả về số lượng và chất lượng; hệ thống chính trị ở cơ sở từng bước được kiện toàn và củng cố; công tác đào tạo, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ dân tộc thiểu số tại chỗ được coi trọng; học sinh cử tuyển ngày càng được quan tâm.

2. Khó khăn, hạn chế

Mặc dù điều kiện về kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã có bước phát triển, đời sống người dân từng bước được cải thiện nhưng vẫn là vùng khó khăn so với mặt bằng chung cả tỉnh. Hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều thiếu thốn, đời sống của một bộ phận Nhân dân còn khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo còn cao, là "lõi nghèo của địa phương", thiếu tính bền vững và khả năng tái nghèo cao.

Khoảng cách phát triển giữa các dân tộc thiểu số với dân tộc kinh, giữa các nhóm dân tộc thiểu số, giữa vùng nông thôn và thành thị còn chênh lệch, chưa được rút ngắn. Thu nhập bình quân của hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở nhiều nơi chỉ bằng 40 - 50% bình quân thu nhập của địa phương; tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số còn cao hơn gấp 02 lần so với tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh, có 02 huyện nghèo tỷ lệ nghèo còn trên 22%.

Một số vấn đề trong đồng bào dân tộc thiểu số, như: di cư tự do, thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt,... giải quyết chưa hiệu quả. Chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số mặt bằng chung vẫn còn thấp, mức độ tiếp cận các dịch vụ xã hội còn nhiều khó khăn, hạn chế.

Dân di cư tự do luôn gia tăng, chưa được bố trí vào vùng quy hoạch, chủ yếu là tự phát nên việc đầu tư cơ sở hạ tầng, thực hiện các chính sách an sinh xã hội

gặp khó khăn. Một số hộ tụt hậu còn tồn tại; còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp về an ninh trật tự.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

** Nhóm nguyên nhân chủ quan nội tại ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số:*

Mặt bằng dân trí còn thấp, nhận thức về xã hội còn một số hạn chế nhất định; kế hoạch chi tiêu chưa khoa học (vay nặng lãi, cầm cố và sang nhượng đất, dẫn đến mất đất, mất nhà ở, mua nợ tiêu dùng hằng ngày dẫn đến bị mua ép giá,...). Một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số chưa thực sự tự vươn lên thoát nghèo.

Phương thức canh tác nhỏ lẻ, chưa tự chủ trong sản xuất, kinh doanh, còn bị tác động, ảnh hưởng của cộng đồng, dòng họ.

Điều kiện cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm), văn hoá, giáo dục, y tế,... thấp hơn so với mặt bằng chung của tỉnh; đa số đồng bào dân tộc thiểu số sống tập trung ở những vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn dẫn đến điều kiện sinh hoạt khó khăn, thiếu kiến thức và hạn chế về thông tin.

Nguồn lực để phát triển kinh tế hộ, nhất là diện tích đất sản xuất/hộ gia đình ngày càng giảm (do sự phát triển dân số, sự chuyển nhượng cho hộ dân khác); vốn để tái đầu tư sản xuất không nhiều; trình độ lao động có kiến thức phổ thông, tay nghề còn hạn chế.

** Nhóm nguyên nhân khách quan tác động từ bên ngoài:*

Xuất phát điểm của vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp, địa hình chia cắt, phân tán, dân cư chủ yếu tập trung ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Hệ thống chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số chưa được đồng bộ; cơ chế thực thi chính sách còn thiếu đổi mới mang tính đột phá; sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong thực thi chính sách chưa chặt chẽ, hiệu quả. Công tác chỉ đạo, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền chưa sâu sát; có nơi cán bộ, công chức, viên chức chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của công tác dân tộc, chưa thật sự quan tâm đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ tại chỗ còn thiếu và yếu, trình độ quản lý, năng lực điều hành chưa đáp ứng được yêu cầu.

Về chủ trương của Đảng và Nhà nước đầu tư, hỗ trợ cho người dân tộc thiểu số là đúng đắn, song tỷ trọng vốn đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa cao, hơn nữa định mức hỗ trợ của một số chính sách còn thấp, chưa khuyến khích, chưa khai thác hết tiềm năng trong đồng bào dân tộc thiểu số; một số chương trình, chính sách chưa kịp thời, dàn trải, dẫn đến hiệu quả đạt thấp, chưa tạo động lực cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số chủ động phát huy tối đa nội lực vươn lên thoát nghèo. Bên cạnh đó, một số chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn vừa qua chưa quan tâm nhiều đến sự công bằng, bình đẳng đối với mọi đối tượng.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất - tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị và của chính đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát triển sản xuất tạo sinh kế, tăng thu nhập cho người dân, giảm nghèo nhanh, bền vững; giải quyết căn cơ một số yêu cầu bức thiết về đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số; tăng thu nhập cho người dân, góp phần giảm nghèo bền vững, bảo đảm quốc phòng - an ninh; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, thu hẹp dần khoảng cách với vùng phát triển; xây dựng vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc tinh Đắk Nông.

Phát huy khai thác mọi nguồn lực, tiềm năng, lợi thế của tỉnh và vùng đồng bào dân tộc thiểu số; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, nhất là thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đặc biệt vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế - xã hội, củng cố tăng cường quốc phòng - an ninh, nâng cao đời sống vật chất - tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số là đầu tư cho phát triển bền vững, toàn diện gắn liền với giảm nghèo bền vững. Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế sẵn có của địa phương trong vùng, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, thu hút các nguồn lực đầu tư tập trung vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số một cách có trọng tâm, trọng điểm, tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy được nội lực nhằm tự lực vươn lên cải thiện rõ rệt đời sống, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập so với bình quân chung của tỉnh. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số; nâng cao mặt bằng dân trí, đào tạo nguồn nhân lực nhất là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu góp phần đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia. Củng cố, tăng

cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Giải quyết cơ bản các vấn đề về đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt, đất sản xuất, nước sạch, điện sinh hoạt của các hộ dân tộc thiểu số, hộ nghèo, cận nghèo; tăng cường kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã, các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

- Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định số hộ di cư không theo quy hoạch. Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí 60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở.

- Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; hỗ trợ phát triển nghề nghiệp, đào tạo nghề nhằm tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, góp phần giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thu các kênh phát thanh, truyền hình kỹ thuật số, phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tuyên truyền, phổ biến kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung, công tác dân tộc và chính sách dân tộc nói riêng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xóa đói giảm nghèo, phát triển bền vững; nâng cao trình độ nhận thức, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội và ổn định chính trị vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phát huy vai trò của già làng, người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong việc vận động, thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt công tác dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

*** Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025**

- Thu nhập bình quân đầu người vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2025 tăng trên 1,5 lần so với cuối năm 2020.

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm từ 3% trở lên.

- Từng bước khắc phục tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số; xóa nhà tạm bợ dột nát cho 60% số hộ dân tộc thiểu số nghèo.

- Đến năm 2025, đảm bảo 100% trục đường liên xã được cứng hóa đạt chuẩn kỹ thuật theo quy định trong Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- 100% số trường, lớp học và trạm Y tế được xây dựng kiên cố.

- 100% người đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế.

- Trên 95% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp.

- 95% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- 90 - 95% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh; các xã có điểm phục vụ bưu chính viễn thông, internet đến các thôn, bon, buôn.

- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi đạt tỷ lệ từ 99% trở lên, học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%; giảm tỷ lệ tảo hôn, kết hôn cận huyết thống.

- Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư. Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí ổn định số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở.

- Trên 55% lao động là người đồng bào dân tộc thiểu số trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số.

- Đến năm 2025, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm xuống còn 20,2%².

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước nhằm tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, hội viên và đồng bào dân tộc thiểu số

Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp cần quán triệt, tuyên truyền để mỗi cán bộ, đảng viên, hội viên và Nhân dân hiểu rõ vai trò, vị trí, tiềm năng to lớn của địa bàn dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc nhất quán của Đảng, Nhà nước, cũng như tầm quan trọng của việc thực hiện các chính sách đối với sự phát triển của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Tuyên truyền, giáo dục, vận động và tổ chức để đồng bào dân tộc thiểu số tích cực, chủ động tham gia thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Ra sức xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Động viên đồng bào dân tộc thiểu số phát huy nội lực, khơi dậy ý chí thoát nghèo, chủ động phấn đấu vươn lên, không trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước.

² - Các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025: Kế hoạch số 179-KH/TU, ngày 10/9/2020 của Tỉnh ủy về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới.

- Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc Hội về Phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

Các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương, các ban, ngành tỉnh Đắk Nông cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp tuyên truyền theo hướng: “3 tăng” (tăng cường mở các lớp tập huấn ngắn ngày về khuyến nông; tăng số lượng, chất lượng đảng viên, đoàn viên, hội viên; tăng số lao động được dạy nghề); “3 giảm” (giảm bỏ học, giảm đẻ nhiều, giảm nghèo); “3 không” (không bán đất; không nghe lời kẻ xấu; không bỏ văn hóa truyền thống).

Phát huy vai trò của người có uy tín, người cốt cán ở cơ sở, già làng, trưởng bon, dòng họ, hộ gia đình làm ăn giàu có trong công tác tuyên truyền, tham quan, học tập, nêu gương điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhằm thay đổi phương thức sản xuất, tập quán sinh hoạt để tiếp cận với các dịch vụ an sinh xã hội, sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng.

Đẩy mạnh công tác kết nghĩa giữa các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các tổ chức kinh tế, lực lượng vũ trang đối với các buôn, bon, bản đồng bào dân tộc thiểu số. Không ngừng đổi mới cách thức hoạt động theo hướng tăng cường trao đổi, hướng dẫn để chính mỗi hộ gia đình tự vươn lên phát triển kinh tế, thoát nghèo bền vững và tích cực tham gia các hoạt động tại địa phương.

2. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, điện sinh hoạt, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số

Tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số được giao đất sản xuất dưới nhiều hình thức (giao ngắn hạn, cho thuê hoặc thuê lại của doanh nghiệp, hợp tác xã,...) theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện sinh kế cho người dân sống gần rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, không gian sinh sống của đồng bào.

Từng bước khắc phục tình trạng thiếu đất ở, giải quyết cơ bản tình trạng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu hố xí hợp vệ sinh cho người dân đồng bào dân tộc thiểu số. Huy động nguồn lực đầu tư các công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất kinh doanh trên địa bàn các thôn, bon, buôn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

3. Giải quyết xóa nhà ở tạm bợ; quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân di cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số

Tổ chức rà soát, thống kê chính xác những hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số có nhà cần được sửa chữa hoặc cần xây dựng mới để có kế hoạch ưu tiên hỗ trợ. Bên cạnh nguồn vốn hỗ trợ từ các chương trình giảm nghèo của Nhà nước, cần huy động các tổ chức xã hội, các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh quyên góp, ủng hộ người dân đồng bào dân tộc thiểu số xóa nhà tạm, “an cư lạc nghiệp” vươn lên thoát nghèo. Tuyên truyền, kêu gọi đóng góp ủng hộ cho các quỹ “Vì người nghèo”, quỹ “Xóa nhà tạm”, “Xây dựng nhà đại đoàn kết”,...

Tập trung đầu tư hoàn thành dứt điểm các dự án định canh, định cư còn dang dở để hỗ trợ di dân về vùng dự án; triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án sắp

xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021 - 2025.

Quy hoạch và sắp xếp lại dân cư, nhất là đối với các hộ dân sinh sống tại các bìa rừng, đất phòng hộ,... ở các khu vực có nguy cơ cao xảy ra tình trạng lũ quét, ngập nước, sạt lở đất; hạn chế và tiến tới chấm dứt tình trạng di cư tự do ngoài kế hoạch.

4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Tiếp tục cải thiện môi trường, đổi mới cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển vùng dân tộc thiểu số đối với các tổ chức, cá nhân được giao đất, thuê đất hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Đầu tư phát triển các thôn, bon, buôn, bản có đông đồng bào dân tộc thiểu số, nhằm hoàn thiện việc xây dựng các tuyến đường giao thông kết nối liên vùng sản xuất hàng hóa, trung tâm các xã, thôn, bon, buôn, bản; đảm bảo các công trình điện, đường, trường, trạm,... gắn với sắp xếp, quy hoạch ổn định dân cư.

5. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

Triển khai có hiệu quả các chính sách khuyến nông, lâm, ngư nghiệp và hỗ trợ dịch vụ cho đồng bào dân tộc thiểu số, nghiên cứu chuyển đổi ngành nghề phù hợp, tạo việc làm để ổn định và nâng cao đời sống vật chất - tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng mối liên kết giữa nhà nông, nhà khoa học và doanh nghiệp trong hướng dẫn kỹ thuật, xây dựng thương hiệu và hỗ trợ tiêu thụ hàng hóa cho nông dân.

Xây dựng các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị và có giấy chứng nhận nguồn gốc như VietGap, Global Gap, Organic cho các sản phẩm chủ lực như: tiêu, cà phê, macca, cao su, chè xuất khẩu cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng các tổ hợp tác, hợp tác xã phát triển kinh tế - xã hội tại các thôn, bon, buôn có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, khuyến khích các hộ gia đình dân tộc thiểu số tích cực tham gia vào thành viên các tổ hợp tác, hợp tác xã. Xây dựng và ban hành các chính sách về hỗ trợ vùng nguyên liệu, các ngành nghề chế biến chuyên sâu và bảo quản các sản phẩm của đồng bào dân tộc thiểu số. Phòng chống tốt dịch bệnh, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả các sản phẩm nông nghiệp.

6. Nâng cao chất lượng y tế và phát triển giáo dục đào tạo, nguồn nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số

Thực hiện tốt chế độ bảo hiểm y tế và các chương trình y tế quốc gia trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, nhất là chương trình dân số - kế hoạch hoá

gia đình, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em. Tiếp tục củng cố mạng lưới y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh các hoạt động y tế dự phòng, vận động Nhân dân giữ gìn vệ sinh môi trường, góp phần phòng, chống các dịch bệnh.

Tăng nguồn đầu tư cho công tác phát triển giáo dục ở vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Phải có sự phối hợp đồng bộ giữa chính sách của Đảng và Nhà nước với hoạt động của ngành giáo dục và xã hội hoá giáo dục để toàn dân cùng quan tâm đóng góp cho sự nghiệp giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Quan tâm, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ở các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú; huy động nguồn lực hỗ trợ tổ chức các chương trình hiệu quả thiết thực nhằm đảm bảo tiếp sức cho các con em học sinh đồng bào dân tộc thiểu số được đến trường đầy đủ như chương trình "bếp ăn tình thương" ở các trường bán trú thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đào tạo đội ngũ giáo viên là người dân tộc thiểu số có trình độ cả về sư phạm và kiến thức cho từng vùng, từng dân tộc. Bên cạnh việc đào tạo, cần xây dựng chế độ đãi ngộ và sử dụng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục để đội ngũ giáo viên yên tâm với nghề nghiệp, gắn bó với sự nghiệp "trồng người" trên địa bàn tỉnh.

Nghiên cứu ban hành các chính sách đặc thù đối với con em đồng bào các dân tộc sau khi tốt nghiệp phổ thông trung học, nếu không thi được vào các trường trung cấp, cao đẳng, đại học thì bố trí cho đi học nghề và giải quyết việc làm sau khi ra trường nhằm tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển ở các vùng dân tộc trong thời kỳ hội nhập hiện nay.

Tập trung kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy cơ quan làm công tác dân tộc từ cấp tỉnh đến địa phương. Củng cố xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc đảm bảo đủ số lượng và chất lượng, để làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình. Tiếp tục đổi mới công tác dân tộc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn hiện nay. Đổi mới công tác tổ chức, cán bộ của ngành công tác dân tộc, chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở. Quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số.

7. Tăng cường công tác đào tạo nghề, tạo việc làm; thực hiện các mô hình hướng dẫn chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất cho hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số

Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đào tạo nghề miễn phí và nhận lao động thuộc hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số vào làm việc để tăng thu nhập. Tăng cường các hoạt động hướng dẫn cách làm ăn cho đồng bào; tổ chức các lớp tập huấn khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư cho người dân thuộc hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng khó khăn để

phát triển kinh tế hộ gia đình, góp phần giảm nghèo bền vững. Nâng cao hiệu quả công tác tập huấn thông qua hoạt động tham quan mô hình, điểm trình diễn tại địa phương, ruộng vườn, chuồng trại; giảng dạy bằng trực quan, cầm tay chỉ việc, trao đổi 2 chiều tại lớp tập huấn.

Nâng cao chất lượng các cơ sở dạy nghề, nhất là dạy nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số. Khuyến khích và đa dạng hóa hình thức đào tạo nghề theo yêu cầu của thị trường lao động, thực hiện tốt hơn chính sách về dạy nghề cho lao động nông thôn, trong đó có lao động là người dân tộc thiểu số; nghiên cứu, đào tạo những công việc có tính chất lâu dài, ổn định, phù hợp với phong tục tập quán người dân bản địa như phát triển các nghề truyền thống (dệt thổ cẩm, đan lát). Phát triển mạnh dịch vụ cung ứng lao động cho các doanh nghiệp ngoài tỉnh, gắn với đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động.

8. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

Để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cần quan tâm nhiều hơn đến phong tục, tập quán, thói quen canh tác của người đồng bào dân tộc thiểu số, đặc điểm về dân số, điều kiện tự nhiên, địa hình, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương nhằm nâng cao hiệu quả của Chương trình.

Đẩy mạnh phong trào xây dựng đời sống văn hoá, xây dựng các mô hình hoạt động văn hoá - thông tin trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng thêm thời lượng và nâng cao chất lượng các hoạt động báo chí, phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc. Làm tốt công tác nghiên cứu, sưu tầm, giữ gìn, phát huy các giá trị, truyền thống tốt đẹp trong văn hoá của các dân tộc thiểu số, nhất là duy trì, phát triển các lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Phát huy các lợi thế tự nhiên, các giá trị văn hóa đặc trưng sinh thái bản địa phục vụ khai thác phát triển du lịch. Trong đó ưu tiên thu hút đầu tư và xây dựng các sản phẩm du lịch gắn với các điểm di sản của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông, gắn với bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phát triển các ngành nghề thủ công, đan lát, dệt thổ cẩm nhằm tạo ra sản phẩm đặc thù phục vụ du lịch, góp phần cải thiện đời sống vật chất - tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số nâng cao nguồn thu nhập bằng chính nghề truyền thống của dân tộc mình, vươn lên thoát nghèo bền vững.

9. Huy động và phân bổ nguồn lực, ưu tiên tập trung nguồn lực thực hiện các chính sách giảm nghèo đặc thù để đẩy nhanh công tác giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Ưu tiên bố trí ngân sách địa phương, lồng ghép với các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, vốn của doanh nghiệp, vốn xã hội hóa để thực hiện đồng bộ

các giải pháp, chính sách phát triển kinh tế - xã hội toàn diện vùng dân tộc thiểu số. Huy động các nguồn lực xã hội, phát huy vai trò, trách nhiệm, sự tham gia của người dân, đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững vùng dân tộc thiểu số; tăng cường huy động nguồn lực từ ngân sách địa phương, các nguồn huy động đóng góp tài trợ hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng và tham gia đóng góp của người dân, của đối tượng thụ hưởng.

Tăng cường nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo dân tộc thiểu số theo mức vay tối đa quy định; đồng thời, gắn trách nhiệm, cam kết sử dụng nguồn vay vốn đúng mục đích, hiệu quả và tác động đến khả năng thoát nghèo của hộ nghèo. Thực hiện tốt chương trình, các chính sách hỗ trợ theo tinh thần "*Nhà nước hỗ trợ, cộng đồng giúp đỡ, người dân tự lực vươn lên thoát nghèo*" nhằm phát huy tối đa nội lực nội tại của người đồng bào dân tộc thiểu số.

Tiếp tục nghiên cứu ban hành hoặc kéo dài thực hiện các chính sách giảm nghèo đặc thù đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đã đạt được hiệu quả và tính khả thi cao trong thời gian qua, nhằm góp phần giải quyết "*rốn nghèo*" của địa phương, nâng cao đời sống vật chất - tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ nói riêng và đồng bào dân tộc thiểu số nói chung.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt Chương trình đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ để cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện bảo đảm hiệu quả, thiết thực, phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương, đơn vị.

2. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể hóa việc triển khai thực hiện Chương trình; đồng thời, chỉ đạo các cấp, các ngành theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu Chương trình đã đề ra; định kỳ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết việc thực hiện.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng các cơ quan truyền thông, báo chí của tỉnh và Trung ương trên địa bàn tăng cường tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Chương trình trên các phương tiện thông tin; tham mưu tổ chức việc quán triệt Chương trình hành động ở cấp tỉnh và hướng dẫn việc tổ chức quán triệt ở các cấp.

4. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Chương trình trong cán bộ, đảng viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân; theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp triển khai thực hiện phù hợp.

5. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các ban đảng Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng, | (b/c)
- Vụ Địa phương II, VPTW Đảng |
- tại Tp. Hồ Chí Minh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng,
- đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy,
- Các sở, ban, ngành,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (TH,L).

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC



Điêu Kré



TỈNH ỦY ĐẮK NÔNG

*

Số 24 -KH/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đắk Nông, ngày 01 tháng 9 năm 2021

KẾ HOẠCH

Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 02-NQ/TW, ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị về đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới

Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW, ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị về đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới (viết tắt là Nghị quyết số 02-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 02-NQ/TW như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt sâu sắc những nội dung cốt lõi Nghị quyết số 02-NQ/TW đến các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên công đoàn và Nhân dân những quan điểm cơ bản của Nghị quyết số 02-NQ/TW nhằm nâng cao nhận thức, tầm quan trọng, tính cấp thiết về đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới, đáp ứng yêu cầu lý luận, thực tiễn đặt ra trong giai đoạn hiện nay. Nhằm phát huy tốt vai trò Công đoàn là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với công nhân, người lao động, tích cực tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết dân tộc.

- Nâng cao trách nhiệm, tạo sự thống nhất về tư tưởng, hành động trong toàn Đảng bộ, toàn dân và toàn quân trên địa bàn tỉnh đối với việc đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống công đoàn các cấp trong tình hình mới.

2. Yêu cầu

- Các cấp ủy đảng xây dựng kế hoạch (hoặc phương án) tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; chủ động chỉ đạo việc học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW; đồng thời, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW tại đảng bộ, địa phương, đơn vị một cách thiết thực, hiệu quả.

- Tùy điều kiện cụ thể, các cơ quan, đơn vị, địa phương có hình thức tổ chức học tập, quán triệt phù hợp (phải đảm bảo tốt công tác phòng, chống dịch Covid-

19), kết hợp nghe giới thiệu, lồng ghép thảo luận trong hội nghị với tự nghiên cứu và vận dụng vào thực tiễn.

- Cán bộ, đảng viên nghiên cứu, học tập nghiêm túc; nắm vững những nội dung cơ bản Nghị quyết số 02-NQ/TW gắn với trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Nội dung

Tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 02-NQ/TW.

2. Hình thức, thời gian thực hiện

2.1. Cấp tỉnh

Hiện nay, do tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp. Vì vậy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy không tổ chức Hội nghị tập trung học tập, quán triệt Nghị quyết số 02-NQ/TW đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt của tỉnh và sẽ lồng ghép quán triệt trong Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh vào thời gian thích hợp.

2.2. Cấp huyện, thành phố và các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

- Thường trực cấp ủy chỉ đạo xây dựng phương án (căn cứ vào tình hình dịch bệnh Covid-19) để tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 02-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên bằng hình thức phù hợp.

- Hoàn thành trong tháng 9/2021.

2.3. Cấp cơ sở

- Các đảng bộ, chi bộ tùy điều kiện cụ thể có thể tổ chức học tập hoặc lồng ghép trong các hội nghị, sinh hoạt chính trị để phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 02-NQ/TW cho toàn thể cán bộ, đảng viên chi bộ.

- Hoàn thành tháng 10/2021.

3. Triển khai trong Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và tuyên truyền trong Nhân dân

- Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh (căn cứ vào tình hình thực tế, đặc biệt là dịch Covid-19) tổ chức tuyên truyền phù hợp cho đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân những nội dung cơ bản của Nghị quyết số 02-NQ/TW, góp phần nâng cao nhận thức về tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam, công đoàn các cấp trên địa bàn tỉnh.

- Các cơ quan truyền thông của tỉnh tăng cường thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng bằng các hình thức đa dạng, phù hợp với đối tượng, nội dung Nghị quyết số 02-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân.

4. Về tài liệu

Căn cứ nội dung Nghị quyết số 02-NQ/TW (gửi kèm theo Kế hoạch này).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tham mưu, theo dõi, đôn đốc việc phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 02-NQ/TW; tổng hợp, báo cáo kết quả về Thường trực Tỉnh ủy. Chỉ đạo, định hướng thông tin, tuyên truyền đối với các cơ quan báo chí của tỉnh và trên các phương tiện thông tin đại chúng...

2. Giao Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh và các đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy kết quả thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW.

3. Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW sát với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương; theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả tổ chức thực hiện về Thường trực Tỉnh ủy (qua Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy).

4. Giao Đảng đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Chương trình thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW (hoàn thành trong tháng 9/2021).

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo TW, T26 Đà Nẵng, | (b/c)
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
- Ban Dân vận Tỉnh ủy,
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy,
- đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các cơ quan báo chí của tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (TH, Y).



Điều Kré

Người ký: Bộ Chính trị
Email: bochintri@vptw.dcs.vn

Cơ quan: Bộ Chính trị
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
Số 02-NQ/TW

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam
trong tình hình mới

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Trải qua hơn 90 năm hình thành và phát triển, sau 35 năm đổi mới đất nước, Công đoàn Việt Nam đã trưởng thành về mọi mặt, có những đóng góp xứng đáng vào thắng lợi vĩ đại của cách mạng, góp phần xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng lớn mạnh. Tổ chức công đoàn được củng cố, phát triển, số lượng đoàn viên và công đoàn cơ sở tăng nhanh, đội ngũ cán bộ phát triển cả về số lượng và chất lượng. Công đoàn mở rộng hoạt động sang khu vực kinh tế ngoài nhà nước; phối hợp ngày càng hiệu quả với các cấp chính quyền, các tổ chức và người sử dụng lao động, thực hiện tốt hơn nhiệm vụ đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp. Công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động tiếp tục được đổi mới, đa dạng hoá, hướng về cơ sở. Các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước được phát động rộng rãi, thu hút, khơi dậy động lực của đoàn viên, người lao động, góp phần tăng năng suất lao động, phát triển kinh tế - xã hội. Công tác tài chính, tài sản công đoàn từng bước được hoàn thiện; hoạt động đối ngoại đạt nhiều kết quả. Công đoàn đã làm tốt vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với công nhân, người lao động, tích cực tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Tuy nhiên, tổ chức và hoạt động của Công đoàn còn một số hạn chế, yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới. Công tác phát triển đoàn viên, công đoàn cơ sở chưa tương xứng với tốc độ phát triển của doanh nghiệp, người lao động; chất lượng đoàn viên chưa cao, hiệu quả hoạt động của công đoàn cơ sở còn hạn chế. Mô hình tổ chức, phương thức tập hợp đoàn viên, người lao động có mặt chậm được đổi mới. Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn còn bất cập; nhiều nơi thiếu cán bộ chuyên trách, một bộ phận cán bộ năng lực yếu. Hoạt động công đoàn ở một số ngành, địa phương chưa gắn với đặc điểm, nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của đoàn viên, người lao động và tình hình quan hệ lao động. Hiệu quả tuyên truyền, vận động, giáo dục đoàn

viên, người lao động chưa cao. Vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng, phát huy quyền làm chủ của công nhân, người lao động có mặt còn hạn chế. Tình hình tranh chấp lao động, ngừng việc tập thể tuy giảm nhưng còn phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ gây bất ổn về an ninh, trật tự.

3. Những hạn chế, yếu kém nêu trên do nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu là: Nhận thức, trách nhiệm của một số cấp uỷ, chính quyền về vị trí, vai trò của tổ chức công đoàn chưa đầy đủ; có lúc, có nơi chưa quan tâm đúng mức công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công nhân, công đoàn. Nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động, tập hợp, nhất là ở công đoàn cơ sở chưa phù hợp với điều kiện làm việc và đời sống của một bộ phận người lao động. Việc tham mưu, phối hợp để giải quyết các vấn đề bức xúc, phức tạp liên quan đến công nhân, công đoàn có mặt còn hạn chế. Một bộ phận cán bộ công đoàn chậm đổi mới tư duy, năng lực hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu của hoạt động công đoàn trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Công tác đào tạo, bồi dưỡng và bố trí cán bộ công đoàn chưa đáp ứng yêu cầu. Quản lý nhà nước trong lĩnh vực lao động còn nhiều bất cập; vi phạm pháp luật về lao động xảy ra còn nhiều, chậm được xử lý. Chất lượng đội ngũ công nhân có mặt còn hạn chế; việc làm, đời sống của một bộ phận công nhân, lao động còn khó khăn; xu hướng phân hoá trong công nhân, lao động ngày càng lớn làm cho nhiệm vụ tập hợp lực lượng và phát huy vai trò của công nhân trở nên khó khăn hơn.

Thời gian tới, số lượng công nhân, lao động tăng nhanh, hoạt động công đoàn tiếp tục mở rộng và chuyển mạnh sang khu vực ngoài nhà nước. Quá trình phát triển kinh tế thị trường; những cơ hội, thách thức của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; việc cho phép thành lập tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp sẽ tác động sâu sắc đến việc làm, chất lượng nguồn nhân lực, việc thu hút, tập hợp người lao động... Bối cảnh đó đặt ra yêu cầu cấp bách phải đổi mới mạnh mẽ, thực chất hơn tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

- Xây dựng Công đoàn Việt Nam vững mạnh và xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện đại, lớn mạnh, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới là trách nhiệm của Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội.

- Đổi mới tổ chức và hoạt động công đoàn phải bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng, phù hợp với thể chế chính trị đất nước, yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Xây dựng Công đoàn Việt Nam vững mạnh là góp phần quan trọng xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Đổi mới tổ chức và hoạt động công đoàn phải phù hợp với số lượng, cơ cấu lao động, nhu cầu, nguyện vọng của công nhân, người lao động và yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát huy vai trò đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động.

- Đổi mới có trọng tâm, trọng điểm, tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo nguồn lực đủ mạnh để Công đoàn thực hiện tốt nhiệm vụ; bảo đảm tính kế thừa, ổn định, có lộ trình phù hợp, vững chắc, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm thế giới.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Công đoàn Việt Nam vững mạnh toàn diện, có năng lực thích ứng và giải quyết các vấn đề đặt ra, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong tình hình mới; là cơ sở chính trị - xã hội vững chắc của Đảng, Nhà nước; làm tốt vai trò cầu nối, giữ mối liên hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với giai cấp công nhân, người lao động; xứng đáng là tổ chức đại diện lớn nhất, trung tâm tập hợp, đoàn kết giai cấp công nhân và người lao động cả nước; góp phần xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện đại, lớn mạnh, là lực lượng tiên phong trong thực hiện nhiệm vụ phát triển nhanh và bền vững đất nước.

b) Mục tiêu cụ thể

**** Đến năm 2025:***

- Phần đầu có 13,5 triệu đoàn viên công đoàn, hầu hết doanh nghiệp có 25 công nhân, lao động trở lên có tổ chức công đoàn; đến năm 2023 phần đầu có 12 triệu đoàn viên.

- Phần đầu 80% trở lên các doanh nghiệp, đơn vị có tổ chức công đoàn ký kết được thoả ước lao động tập thể; đến năm 2023 đạt tỉ lệ trên 70%.

**** Đến năm 2030:***

- Phần đầu có 16,5 triệu đoàn viên công đoàn; nơi chưa có tổ chức đại diện người lao động thì phần lớn người lao động được tập hợp, tham gia một số hoạt động của Công đoàn Việt Nam.

- Phần đầu 85% trở lên các doanh nghiệp, đơn vị có tổ chức công đoàn ký kết được thoả ước lao động tập thể.

** Đến năm 2045:*

Hầu hết người lao động tại cơ sở là đoàn viên Công đoàn Việt Nam; 99% doanh nghiệp, đơn vị có tổ chức công đoàn ký kết được thoả ước lao động tập thể.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tập hợp, vận động đoàn viên, người lao động; tập trung phát triển đoàn viên, công đoàn cơ sở

- Nghiên cứu, triển khai các phương thức, mô hình tập hợp đoàn viên, người lao động thích ứng với tình hình mới; đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động để thu hút, tập hợp, định hướng cho công nhân, người lao động.

- Tăng cường vận động, thuyết phục để người lao động nâng cao hiểu biết, tự nguyện tham gia, thành lập, xây dựng công đoàn ở cơ sở, người sử dụng lao động bảo đảm quyền của người lao động được tham gia và hoạt động trong tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người lao động và sự phát triển của doanh nghiệp.

- Đổi mới quy trình, thủ tục kết nạp đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở theo hướng linh hoạt, chủ động, kịp thời, thiết thực. Tập trung thành lập công đoàn cơ sở, nhất là ở các doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước, nơi có đông người lao động, nơi tiềm ẩn phức tạp trong quan hệ lao động.

2. Tiếp tục sắp xếp, hoàn thiện mô hình tổ chức; xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn chuyên nghiệp, đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả mô hình tổ chức công đoàn 4 cấp, kết hợp chặt chẽ giữa công đoàn địa phương và công đoàn ngành; tập trung nâng cao chất lượng công đoàn cơ sở và cấp trên cơ sở, nhất là công đoàn cơ sở trong các doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước; công đoàn khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao... Cùng cố, phát triển công đoàn ngành, nâng cao hiệu quả hoạt động công đoàn địa phương; có mô hình phù hợp thu hút, tập hợp, bảo vệ người lao động ở khu vực phi chính thức. Nghiên cứu, điều chỉnh nhiệm vụ của các cấp công đoàn theo hướng tập trung vào các nhiệm vụ cốt lõi, phù hợp với đặc thù từng cấp và sự phát triển của thị trường lao động.

- Xây dựng mô hình tổ chức công đoàn theo hướng mở, linh hoạt, năng động nhằm giải quyết kịp thời nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của đoàn viên, người lao động. Nghiên cứu, tổ chức thí điểm một số mô hình mới, như: Công đoàn ngành, công đoàn tổng công ty trực thuộc theo hướng tập trung, tinh gọn,

hiệu quả; công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp có đông đoàn viên và doanh nghiệp có dưới 25 đoàn viên; công đoàn khu vực ở một số địa phương có ít doanh nghiệp; công đoàn tổng công ty, tập đoàn kinh tế tư nhân trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam... Thành lập trung tâm tư vấn và hỗ trợ người lao động ở những ngành, địa phương có đông công nhân, người lao động.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn bảo đảm về số lượng, chất lượng, có trí tuệ, bản lĩnh, tâm huyết, trách nhiệm, uy tín, có năng lực đối thoại, dẫn dắt, truyền cảm hứng, tập hợp, đoàn kết người lao động. Người đứng đầu tổ chức công đoàn phải có uy tín cao, am hiểu sâu sắc và có kinh nghiệm thực tiễn về công tác vận động quần chúng, nhất là vận động công nhân, người lao động và chủ doanh nghiệp. Cơ cấu cấp uỷ các cấp có tỉ lệ hợp lý người trưởng thành từ công nhân, công đoàn. Cấp uỷ thống nhất với công đoàn cấp trên trong việc đề bạt, điều động, luân chuyển chủ tịch, phó chủ tịch công đoàn cùng cấp.

- Nghiên cứu, ban hành chính sách phù hợp để tuyển dụng cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân; thu hút, tạo động lực cho cán bộ công đoàn. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế giao biên chế cho Công đoàn hợp lý, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tế.

3. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động công đoàn đáp ứng yêu cầu tình hình mới

- Công đoàn các cấp căn cứ nhu cầu, nguyện vọng chính đáng và việc đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đoàn viên, người lao động để xác định nội dung và mục tiêu hoạt động; xây dựng niềm tin, tạo sự gắn kết giữa người lao động với tổ chức công đoàn để Công đoàn Việt Nam thực sự là tổ chức của người lao động, do người lao động và vì người lao động.

- Tăng cường bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao nhận thức và bản lĩnh chính trị, giác ngộ giai cấp, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, trình độ, kỹ năng, tác phong công nghiệp, hiểu biết pháp luật, kỷ luật lao động... cho đoàn viên, người lao động. Có biện pháp phù hợp phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng, lôi kéo, kích động công nhân, người lao động đình công trái pháp luật, biểu tình, gây rối, làm mất an ninh, trật tự.

- Thường xuyên, chủ động phối hợp với người sử dụng lao động chăm lo lợi ích, bảo đảm quyền của người lao động; kịp thời giám sát, giải quyết và kiến nghị giải quyết những vấn đề bức xúc của công nhân, người lao động; tích cực xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ tại doanh nghiệp.

- Tổ chức các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước theo hướng đổi mới, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn, lĩnh vực; biểu dương, khen thưởng kịp thời tập thể, cá nhân có thành tích, quan tâm đến

cán bộ công đoàn cơ sở, tập thể và người lao động trực tiếp; chú trọng phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến, mô hình hoạt động sáng tạo, hiệu quả.

- Chủ động, tích cực mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại nhằm học hỏi kinh nghiệm, tranh thủ nguồn lực, thúc đẩy đổi mới, nâng cao vị thế của Công đoàn Việt Nam trên trường quốc tế.

- Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động theo hướng khoa học, sáng tạo, phù hợp với từng đối tượng đoàn viên, người lao động; phát huy dân chủ gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương, hướng về cơ sở, coi trọng công tác phối hợp, nâng cao hiệu quả giám sát và phản biện xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin. Tích cực đổi mới phương pháp, tác phong công tác của cán bộ công đoàn, nhất là cấp cơ sở; kiên quyết chống quan liêu, hình thức và bệnh thành tích...

- Tăng cường tự kiểm tra, giám sát trong nội bộ. Quan tâm tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về công nhân, công đoàn trong tình hình mới. Làm tốt công tác dự báo, kịp thời xử lý các tình huống, vấn đề mới phát sinh.

4. Xây dựng nguồn tài chính đủ mạnh để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của tổ chức công đoàn

- Kịp thời rà soát, sửa đổi các quy định về quản lý, sử dụng kinh phí công đoàn, tài sản công đoàn phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; xây dựng cơ chế sử dụng tài chính gắn với nhiệm vụ chung, lĩnh vực, địa bàn ưu tiên, cân đối giữa các cấp công đoàn. Duy trì các nguồn lực hiện có; thu kinh phí công đoàn và khuyến khích xã hội hoá nguồn lực để công đoàn thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài chính, tài sản công đoàn, ưu tiên nguồn lực thực hiện nhiệm vụ chăm lo, đại diện, bảo vệ quyền lợi người lao động. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, kiểm toán và giám sát tài chính, tài sản công đoàn. Chủ động, tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực trong các cấp công đoàn; chấn chỉnh kịp thời, xử lý nghiêm các vi phạm trong công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản.

- Sắp xếp, đổi mới mạnh mẽ, nâng cao hiệu quả hoạt động, tính tự chủ của các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp kinh tế công đoàn, góp phần tạo nguồn lực cho hoạt động công đoàn.

5. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động công đoàn

- Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng đối với tổ chức và hoạt động công đoàn, tạo điều kiện để công đoàn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ; khắc phục tình trạng buông lỏng vai trò lãnh đạo hoặc bao biện, làm thay, giao nhiệm vụ không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức công

đoàn. Các cấp uỷ, tổ chức đảng thường xuyên lãnh đạo, định hướng để tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp ra đời và hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, tuân thủ pháp luật; phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp để xâm phạm quyền, lợi ích của người lao động và doanh nghiệp, gây mất an ninh, trật tự.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng tuyên truyền, phổ biến để các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, thời cơ, thách thức và những vấn đề mới đặt ra đối với Công đoàn Việt Nam trong bối cảnh nước ta hội nhập quốc tế sâu rộng, ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và phê chuẩn các công ước quốc tế liên quan đến lao động, công đoàn.

- Quan tâm lãnh đạo công tác phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước; thành lập tổ chức công đoàn để tạo tiền đề thành lập tổ chức đảng, đoàn thể khác. Ở những nơi chưa có tổ chức đảng, Đảng lãnh đạo tổ chức công đoàn thông qua công đoàn cấp trên trực tiếp; cán bộ công đoàn các cấp, trước hết là cán bộ công đoàn cơ sở có nhiệm vụ tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến đoàn viên, người lao động. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát triển đảng viên; quan tâm bồi dưỡng, giới thiệu công nhân, người lao động đủ tiêu chuẩn vào Đảng.

- Các cấp uỷ phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với công đoàn cấp trên trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác tổ chức, cán bộ và hoạt động công đoàn cấp mình. Định kỳ hằng năm và khi cần thiết, ban thường vụ hoặc ban chấp hành cấp uỷ (nơi không có ban thường vụ) làm việc với ban chấp hành công đoàn cùng cấp để nắm tình hình hoạt động, chỉ đạo, định hướng nhiệm vụ thời gian tiếp theo; lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, chỉ đạo giải quyết kịp thời các kiến nghị chính đáng của đoàn viên, người lao động.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công nhân, công đoàn. Phát huy trách nhiệm nêu gương của đảng viên là cán bộ công đoàn, nhất là người đứng đầu. Đảng viên làm việc trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có đủ điều kiện phải tham gia tổ chức công đoàn và gương mẫu, tích cực tham gia các hoạt động của công đoàn.

6. Hoàn thiện chính sách, pháp luật; tăng cường và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội với công đoàn

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về lao động, công đoàn; nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật Công đoàn năm 2012. Đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lao động và tổ chức đại diện của người lao

động. Cơ quan quản lý nhà nước tích cực phối hợp với công đoàn tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về lao động, công đoàn.

- Chính phủ, các bộ, ngành liên quan và chính quyền các cấp tăng cường phối hợp với công đoàn; xây dựng các chương trình, quy chế phối hợp, kế hoạch hoạt động nhằm chăm lo, bảo đảm quyền lợi của người lao động, hỗ trợ và tạo điều kiện để công đoàn hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, thiết thực, hiệu quả. Đẩy mạnh công tác phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự tại các khu công nghiệp, các doanh nghiệp đông công nhân lao động, doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước. Người đứng đầu chính quyền các cấp định kỳ đối thoại và chỉ đạo giải quyết nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của đoàn viên, người lao động.

- Nhà nước, chính quyền các cấp có cơ chế huy động, bố trí nguồn lực tài chính thoả đáng để nâng cao phúc lợi xã hội, chăm lo, giải quyết những vấn đề khó khăn, bức xúc của người lao động, nhất là nhà ở, trường học, bệnh viện, nơi vui chơi, giải trí, xử lý các tình huống đột xuất ảnh hưởng đến việc làm, thu nhập.

- Quản lý tốt sự ra đời, bảo đảm hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích của các tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp; có các biện pháp phù hợp, hiệu quả để thu hút, vận động, định hướng tổ chức này gia nhập Công đoàn Việt Nam. Tăng cường tuyên truyền để người sử dụng lao động, công nhân, người lao động nhận diện các hành vi lợi dụng việc thành lập và hoạt động của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp để xâm phạm an ninh quốc gia, gây mất an ninh, trật tự.

- Công đoàn chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội xây dựng các chương trình phối hợp, thoả thuận hợp tác có tính lâu dài, toàn diện, tạo sức mạnh tổng hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động công đoàn, huy động các nguồn lực chăm lo lợi ích cho đoàn viên, hội viên; phối hợp tiến hành giám sát và phản biện xã hội.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương tổ chức nghiên cứu, quán triệt, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết; cụ thể hoá, bổ sung các nội dung, chỉ tiêu nêu trong Nghị quyết vào kế hoạch hằng năm của ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương; tăng cường kiểm tra, đánh giá, định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết.

2. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung Luật Công đoàn năm 2012 và các đạo luật có liên quan, tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức tốt việc thi hành pháp luật; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện; tăng cường phối hợp hoạt động với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

4. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam nghiên cứu, đề xuất những vấn đề về tuyên dụng, giao biên chế, chế độ, chính sách đối với cán bộ công đoàn chuyên trách, một số mô hình thí điểm về tổ chức và hoạt động công đoàn phù hợp với tình hình mới.

5. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền sâu rộng về nội dung Nghị quyết và kết quả thực hiện. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam nghiên cứu, đưa nội dung về giai cấp công nhân, tổ chức công đoàn vào chương trình đào tạo lý luận chính trị và bồi dưỡng cán bộ trong các học viện, trường chính trị.

6. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhân:

- Các tỉnh ủy, thành ủy.
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương.
- Các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương.
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ**



Nguyễn Phú Trọng